TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-PT
Ngày 16 - 6 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022, về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Văn R, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1950
2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)
3. Anh Lê Văn M, sinh năm 1976
4. Anh Lê Văn Mẫm E, sinh năm 1980
5. Anh Lê Văn C, sinh năm 1986
6. Anh Lê Văn C, sinh năm 1994
7. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A, anh Lê Văn M, anh Lê Văn Mẫm E, anh Lê Văn C, anh Lê Văn C, chị Lê Thị T: Anh Lê Văn R, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

8. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Lê Văn K, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

9. Anh Lê Văn D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

10. Chị Lê Thị N (Lê Thị Đ), sinh năm 1982. Địa chỉ: Khóm V, Phường 3, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Lê Văn R, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2018 và lời khai của nguyên đơn anh Lê Văn R, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị A, anh Lê Văn M, anh Lê Văn Mẫm E, anh Lê Văn C, anh Lê Văn C, chị Lê Thị T1 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà nội anh là cụ Lê Văn E và cụ Lê Thị H cho lại cha anh tên Lê Văn Ô (chết năm 2015) có chiều ngang 12m, dài từ kênh Thầy Thép ra sau hậu khoảng 72m. Phần đất của cha anh có cạnh hướng đông giáp đất ông Lê Văn Q (9 Q là cha ruột của ông Lê Văn K); cạnh hướng tây giáp đất ông Lê Văn C và bà Lê Thị N. Cha anh ở trên đất một thời gian, đến năm 1991 gia đình anh chuyển sang nơi khác sinh sống và bỏ lại phần đất trống. Anh R nghe cha kể lại trước đây ông 9 Q có chuyển nhượng phần đất của ông 9 Q cho cha anh; vài năm sau ông 9 Q trở về và cha anh có cho ông 9 Q chuộc lại một phần đất trong diện tích đã chuyển nhượng trước đây, phần đất tranh chấp thì không có cho chuộc lại. Việc chuyển nhượng và chuộc lại đất không có làm giấy tờ, văn bản gì, do được nghe cha kể lại nên anh không biết các bên thực hiện giao dịch năm nào, diện tích và giá trị bao nhiêu. Năm 2007, ông Ô tặng cho ông R toàn bộ diện tích đất của ông Ô, trong đó bao gồm diện tích đất tranh chấp, việc cho đất này chỉ được xác lập bằng lời nói và được các thành viên trong gia đình thống nhất, nhưng anh R vẫn để đất trống. Phần đất này chưa được đăng ký, kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, ông K lấn chiếm phần đất tranh chấp và sử dụng đến nay. Anh R rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông K trả cho anh diện tích 15,7m^2 đất công trình thủy lợi và diện tích 41m^2 là đất nền mộ, quá trình tố tụng anh có ý kiến yêu cầu ông K bồi thường 08 cây tràm rừng đường kính gốc 40cm và 20 bụi bình bát mà ông K đã đốn có giá trị 3.000.000 đồng nhưng không làm đơn và thực hiện thủ tục tố tụng, nay anh không tiếp tục yêu cầu nội dung này. Anh R chỉ yêu cầu ông K trả lại phần đất diện tích 153,3m^2.

Bị đơn ông Lê Văn K, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội của ông K là cụ Lê Văn C (chết năm 1951) và cụ Hồ Thị L (chết năm 1973). Khi cụ L còn sống đã cho đất cho 03 người là cha ông K, cha anh R và vợ chồng ông C. Vợ chồng ông K được cha cho đất lại, vợ chồng ông đã quản lý, sử dụng để trồng cây từ năm 1987 đến nay. Đến năm 2014, gia đình anh R đang chặt bỏ cây trồng của ông nên các bên phát sinh tranh chấp. Phần đất ông sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông K không thừa nhận cha ông có chuyển nhượng đất cho cha anh R, ông không có lấn chiếm đất nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh R.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn D thống nhất theo yêu cầu và ý kiến trình bày của anh K, không bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T, chị Lê Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn R về việc đòi ông Lê Văn K trả phần đất có diện tích 153,3m^2, phần đất có số đo và vị trí như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi có số đo 13m;
Hướng Tây giáp đất anh R đang sử dụng (thửa 139) có số đo 18,8m;
Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C có số đo 10m;
Hướng Bắc giáp đất ông K đang quản lý, sử dụng và phần đất nền mộ có số đo 3,3m + 5,3m + 7,1m.

Thuộc một phần thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27 theo bản đồ chính quy 323, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ xét xử do anh R rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông K trả phần đất có diện tích 15,7m^2 là đất công trình thủy lợi và diện tích 41m^2 thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 10 năm 2021, anh Lê Văn R kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh để buộc ông K trả lại cho anh diện tích đất 153,3m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư

ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét đơn kháng cáo của anh Lê Văn R nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Căn cứ vào Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nhưng.

[3] Anh Lê Văn R yêu cầu ông Lê Văn K trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 153,3m^2. Theo trích đo phần đất tranh chấp có vị trí, số đo như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi có số đo 13m;

Hướng Tây giáp đất anh R đang sử dụng (thửa 139) có số đo 18,8m;

Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C có số đo 10m;

Hướng Bắc giáp đất ông K đang quản lý, sử dụng và phần đất nền mộ có số đo 3,3m + 5,3m + 7,1m.

[4] Tại cấp sơ thẩm, anh Lê Văn R xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông 9 Q (cha của ông K) chuyển nhượng cho cha anh là ông Lê Văn Ô. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, anh R lại xác định phần đất tranh chấp là do bà cố của anh cho cha anh, sau đó cha anh cho lại anh. Phía ông Lê Văn K xác định ông bà nội ông là cụ Lê Văn C và cụ Hồ Thị L có phần đất chiều ngang 12 tầm, chiều dài 72m, sau đó cụ C và cụ L có phân chia đất cho ông Lê Văn Ô, ông 9 Q và vợ chồng ông C, mỗi người được 04 tầm (12m).

[5] Xét thấy, anh R cho rằng phần đất tranh chấp là của cha anh ông Lê Văn Ô nhận chuyển nhượng của ông 9 Q (cha của ông K) nhưng anh R chỉ nghe ông Ô kể lại, không rõ thời gian, diện tích và giá trị chuyển nhượng là bao nhiêu. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm anh R lại trình bày phần đất tranh chấp là do bà cố cho cha anh, sau đó cha anh cho lại anh nhưng anh Lê Văn R không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, lời khai của anh R trước sau không thống nhất. Ngoài ra, anh R xác định phần đất không tranh chấp ngang 4 tầm (ngang 12m) hiện nay gia đình anh đang quản lý sử dụng, còn phần đất tranh chấp là phía sau nhà ông K đã được bà cố cho cha anh và cha anh cho lại anh, tuy nhiên anh R không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của

anh, nên không có căn cứ chấp nhận. Phía ông K xác định phần đất tranh chấp do bà nội ông cho cha ông quản lý sử dụng và cha ông để lại cho ông; lời trình bày của ông K phù hợp với lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Văn C, ông Lê Văn C, ông Lê Hoàng T, các ông đều khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ C và cụ L, có ba gia đình trực tiếp sinh sống trên đất gồm ông Ô, ông 9 Q và ông Lê Văn C, các cụ không chia đất cho ai nhưng cho mỗi người sử dụng ngang 4 tầm (12m); cha ông K và ông K quản lý sử dụng đất tranh chấp từ khi cụ L vẫn còn sống, quá trình sử dụng ông K đã trồng cây lâu năm và cải tạo đất. Ông Ô và anh R không trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Trên phần đất gia đình ông K đã trồng cây ăn trái, xây dựng mộ trên đất và hiện đang sử dụng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn R; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm, anh Lê Văn R phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn R. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2021/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 244, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn R về việc đòi ông Lê Văn Khá trả phần đất có diện tích 153,3m^2, phần đất có số đo và vị trí như sau:

Hướng Đông giáp kênh thủy lợi có số đo 13m;
Hướng Tây giáp đất anh R đang sử dụng (thửa 139) có số đo 18,8m;
Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn C có số đo 10m;
Hướng Bắc giáp đất ông K đang quản lý, sử dụng và phần đất nền mộ có số đo 3,3m + 5,3m + 7,1m.

Thuộc một phần thửa đất số 139, tờ bản đồ số 27 theo bản đồ chính quy 323, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của anh R về việc yêu cầu ông K trả phần đất có diện tích 15,7m^2 là đất công trình thủy lợi và diện tích 41m^2 thuộc một phần thửa đất số 124, tờ bản đồ số 27, đất tọa lạc ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản là 1.500.000 đồng, anh Lê Văn R phải chịu. Anh Lê Văn R đã nộp đủ.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn R phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Lê Văn R đã nộp tạm ứng số tiền 1.250.000 đồng tại biên lai thu số 0011722 ngày 28/5/2018 được chuyển thu án phí 300.000 đồng, anh Lê Văn R được hoàn trả số tiền 950.000 đồng tại chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn R phải chịu 300.000 đồng, anh Lê Văn R đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004818 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng